



Số: 0 1 19 8 2 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12546.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Văn Dũng, ấp Trà Đét, xã Nguyệt Hóa (NMN Nguyệt Hóa)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0011	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,052	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	94,83	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	8,11	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12546.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,300	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011983/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12547.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Tống Thị Ngọc Bích, ấp Nê Có, xã Song Lộc (TCN Song Lộc)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0009	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	73,35	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	18,6	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,9	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	2,62	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	22,4	µg/l

Mã số mẫu: 12547.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,332	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12548.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trần Thị Hồng Lan, ấp Khánh Lộc, xã Song Lộc (NMN Song Lộc)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,02$	0,0009	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,7$	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,3$	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	$\leq 0,01$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	71,44	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	19,4	$\mu\text{g/l}$
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	20,0	$\mu\text{g/l}$
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	2,68	$\mu\text{g/l}$
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	22,6	$\mu\text{g/l}$

Mã số mẫu: 12548.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,271	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011985 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12549.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Hoàng Văn Chương, ấp Hòa Lạc C, xã Lương Hòa A (TCN Lương Hòa A)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,161	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	111,21	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	µg/l

Mã số mẫu: 12549.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,260	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày2.8.-05-2025....

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12550.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trần Thị Thúy An, ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo (TCN Phước Hảo)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,058	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0014	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	116,37	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,31	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	24,9	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	16,0	µg/l

Mã số mẫu: 12550.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,344	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **2.8-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011987/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12551.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Lê Thị Kim Phụng, ấp Đại Thôn A, xã Hòa Minh (NMN Hòa Minh)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,394	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	68,52	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	µg/l

BM.7.8.4 a

Đ/C: 159 Hưng Phú, Phường Hưng Phú, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

Trang 1/2

ĐT: (84-28) 39541971 - Fax: (84-28) 38563164 - Email: xetnghiem-vienytcc@iph.org.vn

Mã số mẫu: 12551.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	< 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,352	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

**TU. VIỆN TRƯỜNG
TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM**



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12552.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Thị Sửa, ấp Rạch Ngựa, xã Long Hòa (TCN Long Hòa)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,284	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,058	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	75,37	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	µg/l

Mã số mẫu: 12552.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,276	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 011989 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12553.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Huỳnh Văn Nhu, ấp Ngãi Hiệp, xã Hưng Mỹ (TCN Hưng Mỹ)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0007	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,063	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0013	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	113,58	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,44	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	22,9	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	14,8	µg/l

Mã số mẫu: 12553.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,320	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12554.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thạch Thị Thủy, ấp Qui Nông B, xã Hòa Lợi (TCN Hòa Lợi)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0009	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,054	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0015	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	113,33	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,37	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	22,9	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	14,1	µg/l

Mã số mẫu: 12554.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,338	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

28-05-2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ